

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1990; cư trú tại: ấp Thanh Hòa, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: Anh C, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp Thanh Hòa, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống vợ chồng từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỏ Công, hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh C nghiện chơi game, mỗi lần anh C nạp tiền vào tài khoản game từ vài chục triệu đến vài trăm triệu đồng. Chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không nghe dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau và có thời gian anh C bỏ nhà đi khoảng 03 tháng. Sau đó, vợ chồng tiếp tục chung sống

lại với nhau nhưng anh C vẫn không thay đổi. Ngoài ra, do gia đình anh C có điều kiện về kinh tế nên anh C ỷ lại không chăm lo làm ăn để phụ giúp chị nuôi con, xây dựng gia đình. Năm 2019, chị và anh C tiếp tục cãi nhau về việc anh C chơi game và anh C có đánh chị nên chị về nhà mẹ ruột sống khoảng 06 tháng. Hiện tại anh C vẫn rất thường xuyên chơi game và bỏ nhà đi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không giải quyết được. Sau khi chị nộp đơn ly hôn, anh C bỏ nhà đi đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 09/01/2012 và Phạm Gia Nhã P, sinh ngày 10/3/2016; hiện 02 cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Chính quyền địa phương nơi anh C cư trú xác định anh C có sinh sống cùng với gia đình tại ấp Thanh Hòa, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, anh C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Anh C nghiện chơi game và gia đình có điều kiện nên anh C không chăm lo làm ăn, không quan tâm xây dựng gia đình mà thường xuyên bỏ nhà đi. Gia đình anh C cũng xác nhận anh C nghiện chơi game và sử dụng rất nhiều tiền vào việc chơi game.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn chị T): Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C, chị T được ly hôn với anh C.

+ Về nuôi con chung: Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các cháu Phạm Gia B, sinh ngày 09/01/2012 và Phạm Gia Nhã P, sinh ngày 10/3/2016. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

- + Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 ngày 12/7/2011. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh C là do anh C nghiện chơi game, không chăm lo cho gia đình. Lời trình bày của chị T phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của mẹ ruột anh C. Quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng không có thiện chí đến Tòa án để tham gia hòa giải với chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T đối với anh C.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh C có 02 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 09/01/2012 và Phạm Gia Nhã P, sinh ngày 10/3/2016. Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Bảo và cháu Phương, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh C vắng mặt nên không nêu ý kiến về con chung. Xét thấy, anh C thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình; cháu Phạm Gia B có nguyện vọng sống với chị T, cháu Phạm Gia Nhã P còn nhỏ nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh C.

2. Về nuôi con chung: Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B, sinh ngày 09/01/2012 và cháu Phạm Gia Nhã P, sinh ngày 10/3/2016. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005021 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị T, anh C vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Mỹ Công;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Nguyên